

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH H**

---***---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2018/HSST
Ngày 07/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H
Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***/- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Quang L.

***/- Các hội thẩm nhân dân:**

1/ Bà Nguyễn Thị H

2/ Ông Nguyễn Văn C.

***/- Đại diện VKSND thành phố H:** Bà Trần Thị L – Kiểm sát viên.

***/ Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bùi Mạnh Q - Thư ký.

Hôm nay ngày 07/11/2018, tại nhà văn hóa xã T, TP H, tỉnh H mở phiên tòa lưu động công khai để xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2018/HSST, ngày 12 tháng 10 năm 2018, theo quyết định xét xử số 45/QĐXXST – HS, ngày 24 tháng 10 năm 2018 của TAND thành phố H đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn V. **Tên gọi khác:** Không.

Sinh năm: 1997 **Giới tính:** Nam.

Nơi cư trú: thôn C, xã D, huyện T, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam. **Dân tộc:** Kinh. **Tôn giáo:** Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ học vấn: 5/12.

Họ tên bố: Nguyễn Văn V. **Đã chết.**

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T. **Sinh năm** 1975.

Họ và tên em: Nguyễn Văn V. **Sinh năm** 2001.

Họ tên vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/02/2018. **Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại** Trại tạm giam – Công an tỉnh H.

- Có mặt tại phiên Tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn K. **Tên gọi khác:** Không.

Sinh năm: 1996 **Giới tính:** Nam.

Nơi cư trú: thôn N, xã A, huyện T, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không.

Trình độ học vấn: 5/12.

Họ tên bố: Nguyễn Văn M. Sinh năm 1967.

Họ tên mẹ: Đỗ Thị N. Sinh năm 1968.

Họ và tên chị: Nguyễn Thị T. Sinh năm 1992.

Họ tên vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Ngày 07/01/2016, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Khương chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/10/2016.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/02/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh H.

- Có mặt tại phiên Tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K: Ông Phạm Đức L, trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh H.

- Có mặt tại phiên Tòa.

- **Người bị hại:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 9, ngách 29, ngõ 733, đường N, phường H, TP H.

- Vắng mặt không có lý do.

***/- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1988.

- Có mặt tại phiên Tòa.

- Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh H.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975

- Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện T, tỉnh H.

- Có mặt tại phiên Tòa.

3. Công ty TNHH Một thành viên Ngân hàng V (VPBFC).

- Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà R, số 9 Đ, phường 12, quận 4, thành phố H.

- Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thùy L, sinh năm 1991.

- Địa chỉ: Số 144 C, phường 12, quận T, thành phố H.

- Vắng mặt có lý do (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

***/- Người làm chứng:**

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm 1949.
- Địa chỉ: Thôn X, phường L, TP H, tỉnh H.
 2. Anh Trần Văn N, sinh năm 1999.
- Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện A, tỉnh H.
 3. Chị Trần Thị H, sinh năm 1995.
- Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, TP H, tỉnh H.
 4. Anh Hoàng Xuân H, sinh năm 1994.
- Địa chỉ: số 525, đường N, phường A, TP H, tỉnh H.
 5. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1961.
- Địa chỉ: số 9, ngách 29, ngõ 733, đường N, phường H, TP H, tỉnh H.
 6. Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1978.
- Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh H.
 7. Anh Vũ Minh K, sinh năm 1972.
- Địa chỉ: Đội 5, thôn P, xã P, TP H, tỉnh H.
 8. Ông Trần Văn N, sinh năm 1960.
- Địa chỉ: Xóm Đ, xã H, huyện T, tỉnh H.
 9. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1962.
- Địa chỉ: Xóm Đ, xã H, huyện T, tỉnh H.
- Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ ngày 12/01/2018, Nguyễn Văn V sinh năm 1997 ở thôn C, xã D, huyện T, tỉnh H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu xanh, biển số 89B1 – 604.05 chở Nguyễn Văn K sinh năm 1996 ở thôn N, xã A, huyện T, tỉnh H từ H về H theo quốc lộ 39A. Khi đến khu vực Cầu N, huyện K, tỉnh H, cả hai thấy chị Vũ Thị H sinh năm 1988, trú tại số 9 ngách 29, ngõ 733 đường N, phường H, thành phố H đang đi xe mô tô cùng chiều, ở giỏ xe phía trước có để 01 túi xách màu xanh, K và V nảy sinh ý định cướp giật chiếc túi xách trên. V nói với K *"có nhìn thấy chiếc túi xách kia không"* (K hiểu ý V là cướp giật chiếc túi xách trên), K nói *"từ từ chỗ này đông người"*, V gật đầu hiểu ý, V điều khiển xe đi sau chị H để chờ khi đi đến đoạn đường vắng người thì thực hiện hành vi cướp giật. Khi chị H đi đến đường N thuộc địa phận thôn V, xã B, thành phố H thì V điều khiển xe mô tô áp sát phía bên trái xe của chị H, K ngồi sau dùng tay phải giật chiếc túi xách màu xanh đang để ở giỏ xe của chị H rồi V điều khiển xe bỏ chạy về phía C và rẽ vào khu vực phường L, thành phố H. Trên đường bỏ chạy, K ngồi sau xe kiểm tra bên trong túi xách

thấy có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng, đang sử dụng sim có số thuê bao 0967971127; 01 điện thoại Masstel màu đen; 01 thẻ ATM; 01 thẻ công nhân may và số tiền 6.000 đồng. K lấy 02 điện thoại và số tiền 6.000 đồng còn chiếc túi xách cùng 01 thẻ công nhân, 01 thẻ ATM, K ném vào khu vườn nhà bà Nguyễn Thị Hồng Q sinh năm 1949 ở thôn X, phường L, thành phố H. Sau đó cả hai đi về nhà K, trên đường đi, K đã sử dụng sim điện thoại có số thuê bao 0967971127 của chị H gọi đến số thuê bao 01633722694 cho bà Đỗ Thị N sinh năm 1968 ở thôn N, xã A, huyện T là mẹ đẻ ZK. Về nhà, K sử dụng dịch vụ chuyển tiền để chuyển hết số tiền 34.500 đồng từ số thuê bao 0967971127 của chị H sang số thuê bao điện thoại 0961638996 của K, sau đó K sử dụng dịch vụ ứng tiền lần 1 được 20.000 đồng thì tiếp tục chuyển 17.000 đồng sang số thuê bao điện thoại 0961638996, K sử dụng dịch vụ ứng tiền lần 2 được 10.000 đồng và tiếp tục chuyển 10.000 đồng sang số thuê bao điện thoại 0961638996, số tiền 3.000 đồng còn lại trong sim của chị H, Kh đã sử dụng hết rồi vứt chiếc sim đi. Còn chiếc điện thoại Masstel màu đen đã cướp giật được, V vứt chiếc sim điện thoại của chị H đi và sử dụng, sau đó, K, V đã cho anh Trần Văn N sinh năm 1999, HKTT: Thôn 4, xã H, huyện A, tỉnh H; Chiếc điện thoại Iphone5 cướp giật được, do bị khóa màn hình nên K đã mang đổi cho cho anh Trần Mạnh T sinh năm 1978 ở số 3 đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh H để lấy chiếc điện thoại Iphone4S, màu trắng, số Imei 013205009462128 để sử dụng. Số tiền 6.000 đồng, K, V đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị V, K cướp giật túi xách đến ngày 01/02/2018, chị H đến Công an thành phố H trình báo vụ việc và xác định: trong túi xách của chị có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng, đang sử dụng sim có số thuê bao 0967971127; 01 điện thoại Masstel màu đen; 01 thẻ ATM; 01 thẻ công nhân may đều mang tên chị và số tiền khoảng 5.000.000 đồng. Ngày 18/01/2018, chị H đi làm lại sim thuê bao số 0967971127 tại siêu thị Viettel chi nhánh H, chi phí làm lại là 40.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản kèm theo Biên bản định giá số 15/BB-HĐĐG ngày 24/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố H kết luận: 01 túi xách da, màu xanh da trời, loại túi xách nữ có 2 quai xách, đã qua sử dụng trị giá 500.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, đã qua sử dụng trị giá 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A 109i, loại có 2 khe cắm sim, màu đen, đã qua sử dụng trị giá 200.000 đồng. Tổng thiệt hại tài sản cần định giá là 2.700.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

Thu của Nguyễn Văn K: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone4S, màu trắng, số Imei 013205009462128, phần mặt kính phía trước và phía sau bị nứt vỡ không rõ hình, phần lưng máy phía sau bị tách rời, ốp lưng màu tím có hình hoa văn; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone4S, màu trắng, số Imei 013189002506695, phần mặt kính phía sau bị nứt vỡ không rõ hình, bên trong lắp sim thuê bao số 0961638996.

Thu của Nguyễn Văn V 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, sơn màu xanh – trắng, không đeo biển kiểm soát, số khung RLHKC 2609GY099707, số máy KC26E 1136098, xe không có gương chiếu hậu, đã qua sử dụng; 01 biển kiểm soát 89B1 – 604.05.

Ngày 05/02/2018, Trần Văn N tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, loại máy đen trắng có bàn phím.

Đối với chiếc túi xách của chị H, ngày 06/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H đã rà soát tại khu vực vườn nhà bà Nguyễn Thị Hồng Q và khu vực xung quanh nhưng không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 5 của chị H, sau khi K mang đổi cho anh T và ra về, anh T kiểm tra điện thoại thấy khóa màn hình nên phá khóa màn hình và sử dụng được 1 đến 2 tuần thì bị mất, vì vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc sim điện thoại thuê bao số 0967971127; 01 thẻ ATM; 01 thẻ công nhân may đều mang tên chị Vũ Thị H, sau khi về nhà K đã vứt đi, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với chiếc sim điện thoại thuê bao số 01272776261 của chị H lắp trong chiếc điện thoại Mastel, V đã vứt đi ở nhà K, V không rõ đã vứt cụ thể ở đâu.

Đối với số tiền khoảng 5.000.000 đồng chị H trình bày bị mất khi để trong túi xách, chị H không nhớ cụ thể gồm những loại tiền có mệnh giá như thế nào và có bao nhiêu tờ. K, V xác định khi kiểm tra túi chỉ có 6.000 đồng, sau khi lấy tiền, điện thoại trong túi xách, K đã vứt chiếc túi xách của chị H đi. Do đó, không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 01/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H trả lại chị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel A109i, màu đen, đã qua sử dụng.

Ngày 06/5/2018, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1975 (mẹ đẻ V) và bà Đỗ Thị N sinh năm 1968 (mẹ đẻ K) thay V, K bồi thường cho chị H số tiền 8.000.000 đồng. Chị H nhận tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự. Đồng thời chị có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho K, V.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda winner, biển số 89B1 – 604.05, đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn V. Quá trình điều tra xác định: Khi mua chiếc xe trên V đã thế chấp Đăng ký xe mô tô mang tên V là chủ sở hữu cho Công ty TNHH Một thành viên Ngân hàng V (VPBFC) để vay vốn theo hình thức vay trả góp 40.617.500đ, trị giá mua chiếc xe là 39.000.000đ. Khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản cùng K ngày 12/01/2018 đến nay, V và gia đình đã thanh toán trả nợ cho Công ty được 18.783.000 đồng. Công ty VPBFC không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự liên quan đến chiếc xe mô tô V đã thế chấp để vay vốn trong vụ án này.

Đối với hành vi của Trần Mạnh T đổi điện thoại cho K ngày 12/01/2018, khi đến đổi K nói là điện thoại của K bị sập nguồn muốn sửa, sau đó K đổi lấy điện thoại Iphone 4S

màu trắng của T. Khi đối, K không nói là do K vừa cướp giật mà có. Do đó, không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với T.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone4S, màu trắng, số Imei 013189002506695, phần mặt kính phía sau bị nứt vỡ không rõ hình, bên trong lắp sim thuê bao số 0961638996 thu giữ của K. K khai đó là chiếc điện thoại K dùng tiền của mình tích cóp được để mua ở một cửa hàng điện thoại, nhưng không nhớ rõ địa chỉ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn V thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên phù hợp với lời khai người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ.

Tại bản cáo trạng số 47 /QĐ – VKS ngày 10 tháng 10 năm 2018, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố các bị cáo V và K ra trước TAND thành phố H để xét xử về tội “ Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 171 của bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Các bị cáo V, K đều thành khẩn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội. Bà T và bà N tự nguyện cho các bị cáo số tiền 8.000.000đ mà các bà đã bỏ ra bồi thường cho chị H người bị hại. Ông L người bào chữa cho bị cáo K đề nghị cho bị cáo K được hưởng mức án thấp nhất.

Sau khi tranh tụng đại diện VKSND thành phố H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm d khoản 2 điều 171 – BLHS; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51, Điều 17, Điều 58 – BLHS và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí. Riêng đối với K phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là *Tái phạm* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Các biện pháp tư pháp:

***/- Về dân sự:** Người bị hại H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nữa và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N và bà T không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền đã bỏ ra bồi thường cho bị hại H, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

***/- Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2 điều 106 - BLTTHS.

- Trả lại cho Nguyễn Văn K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone4S màu trắng, số Imei 013189002506695, phần mặt kính phía sau bị nứt vỡ không rõ hình, bên trong lắp sim thuê bao số 0961638996.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone4S, màu trắng, số Imei 013205009462128, phần mặt kính phía trước và phía sau bị nứt vỡ không rõ hình, phần lưng máy phía sau bị tách rời, ốp lưng màu tím có hình hoa văn.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda Winner, sơn màu xanh – Trắng, không đeo biển kiểm soát, số khung RLHKC 2609GY 099707, số máy KC 26E 1136098, xe không có gương chiếu hậu; 01 biển kiểm soát xe mô tô số hiệu 89B1 –

604.05, đăng ký mang tên bị cáo V là chủ sở hữu. Khi mua chiếc xe trên V đã thế chấp Đăng ký xe mô tô cho Công ty TNHH Một thành viên Ngân hàng V (VPBFC) để vay vốn theo hình thức vay trả góp. V đã dùng chiếc xe thuộc sở hữu của mình để thực hiện hành vi cướp giật tài sản cùng K ngày 12/01/2018.

- Buộc Công ty TNHH một thành viên Ngân hàng V (VPBFC) phải giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên bị cáo V, xe nhãn hiệu honda Winner, sơn màu xanh – Trắng, biển kiểm soát xe mô tô số hiệu 89B1 – 604.05 do công an tỉnh H cấp ngày 19/01/2018, để đảm bảo việc thi hành án.

- Về án phí: Buộc bị cáo V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về phân tích những chứng cứ xác định tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên Tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra với nhau. Phù hợp lời khai của người bị hại và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ được, cùng các tài liệu khác có liên quan đến vụ án có trong hồ sơ.

Do đó có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 12/01/2018, Nguyễn Văn V điều khiển xe mô tô hiệu Honda winner màu xanh, biển số 89B1 – 604.05 chở Nguyễn Văn K theo chiều từ H về H, khi đi đến đoạn đường N thuộc thôn V, xã B, thành phố H, tỉnh H, K, V đã có hành vi cướp giật chiếc túi xách của chị Vũ Thị H để ở giỏ xe phía trước, chị H đang điều khiển xe mô tô Honda Dream đi cùng chiều. Bên trong túi xách có 01 điện thoại đi động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng lắp sim số thuê bao 0967971127 có tài khoản là 64.500 đồng; 01 điện thoại Masstel màu đen; số tiền 6.000 đồng; 01 thẻ ATM; 01 thẻ công nhân may đều mang tên chị Vũ Thị H. Tổng giá trị tài sản K, V đã cướp giật của chị H là 2.810.500 đồng.

Nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân Thành phố H để xét xử các bị cáo V và K về tội " Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 171 – BLHS, là đúng quy định của pháp luật không oan sai.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

- Tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo V không có tình tiết tăng nặng TNHS

+ Bị cáo K có 01 tình tiết tăng nặng: Ngày 07/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, Kh chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/11/2016, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục có hành vi phạm tội, nên phải chịu tình tiết tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

- **Tình tiết giảm nhẹ TNHS:** Tại cơ quan điều tra và tại phiên Tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã tích cực vận động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Người bị hại là chị H có đơn xin giảm nhẹ TNHS cho các bị cáo, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 – BLHS. Trong vụ án này lẽ ra phải áp dụng khoản 5 điều 171 – BLHS để áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, còn sống phụ thuộc gia đình. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Vụ án là đồng phạm giản đơn Trong vụ án, V có vai trò là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp lái xe nên giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo K là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với vai trò của mình trong vụ án. Bị cáo K có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, nên mức hình phạt của hai bị cáo là ngang nhau.

Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội làm mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo đã dùng phương tiện nguy hiểm có thể dẫn đến tai nạn cho người bị hại cũng như những người tham gia giao thông khác. Mặt khác xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức sức trong quần chúng nhân dân. Do đó cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội và là bài học giáo dục và ngăn ngừa tội phạm nói chung.

[4] Biện pháp tư pháp:

*/- **Về dân sự:** Người bị hại H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N và bà T không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 8.000.000đ đã bỏ ra bồi thường cho người bị hại H, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

*/- **Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2 điều 106 - BLTTHS.

- Trả lại cho Nguyễn Văn K: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone4S, màu trắng, số Imei 013189002506695, phần mặt kính phía sau bị nứt vỡ không rõ hình, bên trong lắp sim thuê bao số 0961638996, vì không liên quan đến việc phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone4S màu trắng, số Imei 013205009462128, phần mặt kính phía trước bị nứt vỡ không rõ hình, phần lưng máy phía sau bị tách rời, ốp lưng màu tím có hình hoa văn vì đây là chiếc điện thoại do phạm tội mà có.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda Winner, sơn màu xanh – Trắng, không đeo biển kiểm soát, số khung RLHKC 2609GY 099707, số máy KC 26E 1136098, xe không có gương chiếu hậu; 01 biển kiểm soát xe mô tô số hiệu 89B1 – 604.05, đăng ký mang tên bị cáo V là chủ sở hữu. Khi mua chiếc xe trên V đã thế chấp Đăng ký xe mô tô cho Công ty

TNHH Một thành viên Ngân hàng V (VPBFC) để vay vốn theo hình thức vay trả góp. V đã dùng chiếc xe thuộc sở hữu của mình để thực hiện hành vi cướp giật tài sản cùng K ngày 12/01/2018. Do đó cần tịch thu chiếc xe này sung công quỹ nhà nước.

- Buộc Công ty TNHH một thành viên Ngân hàng Vi (VPBFC) phải giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên bị cáo Nguyễn Văn V, xe nhãn hiệu honda Winner, sơn màu xanh – Trắng, biển kiểm soát xe mô tô số hiệu 89B1 – 604.05 do công an tỉnh H cấp ngày 19/01/2018, để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với Công ty TNHH Một thành viên Ngân hàng V (VPBFC) cho V vay vốn theo hình thức vay trả góp để mua chiếc xe trên, nếu sau này có yêu cầu bị cáo V phải trả số tiền mua trả góp chiếc xe trên, thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 điều 136 - BLTTHS và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí. Bị cáo Nguyễn Văn K có đơn xin miễn án phí do điều kiện hoàn cảnh gia đình thuộc hộ cận nghèo có khó khăn về kinh tế được địa phương xác nhận và đề nghị, do đó cần miễn giảm toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn K và người bị hại, cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn K phạm tội " Cướp giật tài sản".

- **Áp dụng:** Điểm d khoản 2 điều 171 – BLHS; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51, Điều 17, Điều 58 – BLHS và điểm a khoản 1 điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2 điều 106; điều 136 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về mức án phí, lệ phí Tòa án. Riêng đối với bị cáo K áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn V 3 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/02/2018.

- **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn K 3 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/02/2018.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- **Biện pháp tư pháp**

+ **Về vật chứng:**

- Trả lại cho Nguyễn Văn K: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone4S, màu trắng, số Imei 013189002506695, phần mặt kính phía sau bị nứt vỡ không rõ hình, bên trong lắp sim thuê bao số 0961638996.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphonene4S màu trắng , số Imei 013205009462128, phần mặt kính phía trước bị nứt vỡ không rõ hình, phần lưng máy phía sau bị tách rời, ốp lưng màu tím có hình hoa văn.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda Winner, sơn màu xanh – Trắng, không đeo biển kiểm soát, số khung RLHKC 2609GY 099707, số máy KC 26E 1136098, xe không có gương chiếu hậu;

- 01 biển kiểm soát xe mô tô số hiệu 89B1 – 604.05;

(Tình trạng số lượng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố H giao cho chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

- Buộc Công ty TNHH một thành viên Ngân hàng V (VPBFC) phải giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên bị cáo Nguyễn Văn V, xe nhãn hiệu honda Winner, sơn màu xanh – Trắng, biển kiểm soát xe mô tô số hiệu 89B1 – 604.05 do công an tỉnh H cấp ngày 19/01/2018.

- Đối với Công ty TNHH Một thành viên Ngân hàng V (VPBFC) cho V vay vốn theo hình thức vay trả góp, để mua chiếc xe trên, nếu sau này có yêu cầu bị cáo V phải trả số tiền mua trả góp chiếc xe trên, thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

- **Về án phí:** Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST. Miễn toàn bộ 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn K.

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn K cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, Đỗ Thị N có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại chị H và Công ty TNHH một thành viên Ngân hàng V(VPBFC) vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND nơi thường trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H.
- CA thành phố H.
- Bị cáo và người có QLNVLQ
- Phòng kiểm tra- TAND tỉnh.
- UBND nơi bị cáo thường trú
- Lưu HS.

Đỗ Quang L